|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO THÁI BÌNH**  **TRƯỜNG T.H.P.T CHUYÊN**  **ĐỀ THI ĐỀ XUẤT** | **KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI**  **KHU VỰC DUYÊN HẢI VÀ ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ**  **NĂM HỌC 2022 – 2023**  **ĐỀ THI MÔN: ĐỊA LÍ 10**  *Thời gian làm bài:180 phút (không kể thời gian giao đề)* |

**Câu I (4,0 điểm)**

1. Phân tích mối quan hệ giữa nội lực và ngoại lực trong quá trình hình thành địa hình bề mặt Trái Đất.

2. Nhận xét và giải thích sự phân bố các thảm thực vật chính trên Trái Đất theo vĩ độ.

**Câu II (4,0 điểm)**

1. Chứng minh sự phân bố nhiệt độ trên Trái Đất vừa theo quy luật địa đới, vừa theo quy luật phi địa đới. Giải thích nguyên nhân.

2. Trình bày quy luật hoạt động của dòng biển trong đại dương thế giới và ảnh hưởng của dòng biển đến khí hậu ven bờ.

**Câu III (4,0 điểm)**

1. Giải thích tại sao có sự khác nhau giữa lục địa và đại dương về nhiệt độ, lượng mưa, khí áp và gió?

2. Tại sao ứng phó với biến đổi khí hậu là vấn đề cấp bách hiện nay?

**Câu IV (3,0 điểm)**

1. Phân biệt tỉ số giới tính và tỉ lệ giới tính. Tại sao ở các nước đang phát triển thường có số nam nhiều hơn nữ?

2. Tại sao thời gian gần đây các nước đang phát triển có tốc độ đô thị hóa nhanh hơn các nước phát triển?

**Câu V (5,0 điểm)**

1. Chứng minh sự phù hợp giữa chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu sử dụng lao động theo ngành kinh tế ở các nước đang phát triển. Giải thích nguyên nhân.

2. Dựa vào bảng số liệu sau, nhận xét và giải thích về sản lượng thủy sản thế giới giai đoạn 2013 – 2019.

***Sản lượng thủy sản đánh bắt và nuôi trồng thế giới giai đoạn 2013 – 2019***

(đơn vị: triệu tấn)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | | | **Tổng số** | **Khai thác** | | | **Nuôi trồng** | | | | |
| Tổng số | Nội địa | Biển | Tổng số | Nội địa | Biển | | |
| 2013 | | | 156,6 | 89,7 | 10,9 | 78,8 | 66,9 | 42,1 | 24,8 | | |
| 2015 | | | 164,3 | 91,6 | 11,1 | 80,5 | 72,7 | 45,7 | 27,0 | | |
| 2017 | | | 172,6 | 93,2 | 11,9 | 81,2 | 79,4 | 49,5 | 29,9 | | |
| 2019 | | | 177,7 | 92,4 | 12,0 | 80,4 | 85,3 | 53,3 | 32,0 | | |
| **Câu** | **Ý** | **Nội dung** | | | | | | | | **Điểm** |
| I | 1 | **Phân tích mối quan hệ giữa nội lực và ngoại lực trong quá trình hình thành địa hình bề mặt Trái Đất.** | | | | | | | | **2,0** |
| - Khái niệm và nguyên nhân hình thành nội lực, ngoại lực. | | | | | | | | 0,5 |
| - Địa hình bề mặt Trái đất được hình thành và phát triển do kết quả tác động đồng thời giữa quá trình nội lực và ngoại lực… | | | | | | | | 0,5 |
| - Nội lực và ngoại lực diễn ra liên tục nhưng biểu hiện đối nghịch nhau … | | | | | | | | 0,5 |
| - Tương quan giữa nội lực và ngoại lực là nguyên nhân tạo ra các dạng địa hình trên bề mặt Trái Đất. Ở mỗi dạng địa hình cụ thể, vai trò của nội lực và ngoại lực khác nhau… | | | | | | | | 0,5 |
| 2 | **Nhận xét và giải thích sự phân bố các thảm thực vật chính trên Trái Đất theo vĩ độ.** | | | | | | | | **2,0** |
| a. Nhận xét  - Đới nóng có các thảm thực vật chính: rừng xích đạo, rừng nhiệt đới ẩm và xa van, cây bụi  - Đới ôn hòa có các thảm thực vật chính: hoang mạc và bán hoang mạc, rừng và cây bụi lá cứng cận nhiệt, rừng cận nhiệt ẩm, thảo nguyên, rừng lá rộng và rừng hỗn hợp, rừng lá kim.  - Đới lạnh có thảm thực vật đài nguyên. | | | | | | | | 1,0 |
| b. Nguyên nhân  - Điều kiện chủ yếu quyết định sự phát triển của thực vật là nhiệt, ẩm, ánh sáng… nên sự phân bố thảm thực vật phụ thuộc vào khí hậu…  - Khí hậu là yếu tố chịu tác động trực tiếp của năng lượng mặt trời, thay đổi theo vĩ độ nên thảm thực vật thay đổi theo vĩ độ… | | | | | | | | 1,0 |
| II | 1 | **Chứng minh sự phân bố nhiệt độ trên Trái Đất vừa theo quy luật địa đới, vừa theo quy luật phi địa đới. Giải thích nguyên nhân.** | | | | | | | |  |
| a. Phân bố nhiệt theo địa đới  - Nhiệt độ trung bình năm giảm từ xích đạo về cực…  - Biên độ nhiệt năm tăng từ xích đạo về cực…  - Từ xích đạo về cực có 4 vòng đai nhiệt khác nhau… | | | | | | | | 0,75 |
| b. Phân bố nhiệt theo phi địa đới  - Nhiệt độ khác nhau giữa lục địa và đại dương, gần biển hay xa biển, nơi có dòng biển nóng hay dòng biển lạnh chảy qua…  - Nhiệt độ thay đổi theo độ cao, độ dốc, hướng sườn núi và hình thái địa hình… | | | | | | | | 0,5 |
| c. Nguyên nhân  - Sự phân bố nhiệt độ không khí trên Trái đất đều chịu tác động của nội lực và ngoại lực thông qua các nhân tố: bức xạ mặt trời, sự phân bố lục địa đại dương, dòng biển, địa hình núi cao…  - Bức xạ Mặt Trời thay đổi theo vĩ độ do góc chiếu sáng và thời gian chiếu sáng thay đổi theo vĩ độ. Càng lên vĩ độ cao chênh lệch góc chiếu sáng và thời gian chiếu sáng giữa các mùa trong năm càng lớn. Do đó nhiệt độ và biên độ nhiệt năm thay đổi theo vĩ độ.  - Tính chất hấp thụ nhiệt và tỏa nhiệt khác nhau giữa lục địa và đại dương… Càng vào trung tâm lục địa không khí càng khô, ảnh hưởng của biển và đại dương càng ít… Nơi có dòng biển nóng đi qua nhiệt độ tăng, nơi có dòng biển lạnh đi qua nhiệt độ giảm…  - Càng lên cao, không khí càng loãng, bức xạ nhiệt của mặt đất càng mạnh nên nhiệt độ giảm theo độ cao… | | | | | | | | 0,75 |
| 2 | **Trình bày quy luật hoạt động của dòng biển trong đại dương thế giới và ảnh hưởng của dòng biển đến khí hậu ven bờ.** | | | | | | | | **2,0** |
| a. Quy luật hoạt động  - Chuyển động của dòng biển tạo thành những vòng tuần hoàn trên các đại dương, biểu hiện rõ rệt trong khoảng vĩ độ nhiệt đới và ôn đới ở hai bán cầu.  - Hai bên xích đạo, các dòng biển nóng chảy từ phía đông về phía tây, khi gặp bờ đông các lục địa, bị chuyển hướng về phía bắc ở BBC, phía nam ở NBC và tạo thành các dòng biển nóng ở cả 2 bán cầu.  - Ở khoảng vĩ tuyến 30 – 400 trên cả hai bán cầu, các dòng biển chảy về phía đông, khi gặp bờ tây các lục địa, bị đổi hướng về phía nam ở BBC, phía bắc ở NBC và tạo thành các dòng biển lạnh ở khu vực xích đạo.  - Trên vùng vĩ độ cao của BBC, các dòng biển chuyển động rất phức tạp do phụ thuộc vào nhiều nhân tố, đặc biệt là hình thái bờ biển. Ở vùng vĩ độ cao của NBC, dòng biển có hướng ổn định từ tây sang đông.  - Ở vùng hoạt động của gió mùa, hình thành các dòng biển nóng, lạnh hoạt động và đổi hướng theo mùa. | | | | | | | | 1,0 |
| b. Ảnh hưởng của dòng biển đến khí hậu ven bờ:  - Vùng ven biển nơi có dòng biển nóng đi qua thường mưa nhiều, khí hậu ấm áp do nhiệt độ tăng, lượng ẩm lớn; nơi có dòng biển lạnh đi qua thường khô hạn do nhiệt độ thấp, hơi nước khó bốc lên.  - Sự đối xứng giữa dòng biển nóng và dòng biển lạnh ở 2 bờ đại dương tạo nên sự khác nhau về kiểu khí hậu  + Vùng vĩ độ thấp: bờ đông lục địa có nhiệt độ cao hơn, lượng mưa lớn hơn bờ tây lục địa…  + Vùng vĩ độ cao: bờ đông lục địa có nhiệt độ thấp hơn, lượng mưa ít hơn bờ tây lục địa… | | | | | | | | 1,0 |
| III | 1 | **Giải thích tại sao có sự khác nhau giữa lục địa và đại dương về nhiệt độ, lượng mưa, khí áp và gió?** | | | | | | | | **2,0** |
| - Nhiệt độ: nhiệt độ cao nhất và thấp nhất đều ở trong lục địa, biên độ nhiệt năm của lục địa cao hơn đại dương… Do tính chất hấp thụ nhiệt và tỏa nhiệt khác nhau giữa lục địa (đất) và đại dương (nước)… | | | | | | | | 0,5 |
| - Lượng mưa: lục địa có lượng mưa nhỏ hơn đại dương, càng vào trung tâm lục địa lương mưa càng giảm… Do nguồn cung cấp hơi nước ở lục địa ít hơn đại dương, càng vào trung tâm lục địa ảnh hưởng của biển đại dương càng giảm… | | | | | | | | 0,5 |
| - Khí áp: thay đổi theo mùa và trái ngược nhau giữa lục địa – đại dương… Do sự nóng lên và lạnh đi không đều giữa lục địa và đại dương theo mùa… Mùa hè… Mùa đông… | | | | | | | | 0,5 |
| - Gió: hướng gió thay đổi giữa lục địa và đại dương theo mùa… Do sự thay đổi của các trung tâm khí áp cao và khí áp thấp giữa lục địa và đại dương theo mùa… | | | | | | | | 0,5 |
| 2 | **Tại sao ứng phó với biến đổi khí hậu là vấn đề cấp bách hiện nay?** | | | | | | | | **2,0** |
| - Biến đổi khí hậu là vấn đề toàn cầu. Những tác động của biến đổi khí hậu có thể dẫn đến thảm họa đối với nhân loại trong tương lai nếu không có các giải pháp hữu hiệu ngay từ bây giờ. Nhiệm vụ phát triển kinh tế và ứng phó với biến đổi khí hậu cần được tiến hành đồng thời trong tất cả các lĩnh vực hoạt động. | | | | | | | | 0,5 |
| - Các quốc gia sẽ không thể đạt được mục tiêu phát triển bền vững nếu coi nhẹ nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu. Nếu giải quyết tốt các vấn đề ứng phó với biến đổi khí hậu sẽ hỗ trợ hiệu quả cho quá trình tăng trưởng kinh tế - xã hội và phát triển bền vững.  + Quá trình triển khai các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu sẽ tạo ra những sản phẩm mới thân thiện với môi trường…  + Hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu tạo thêm cơ hội trong sản xuất, kinh doanh, việc làm, thu nhập cho người lao động và ngân sách quốc gia…  + Các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu là cơ hội để thay đổi nhận thức, phát huy sáng tạo của các nhà quản lý, nhà khoa học và người lao động để làm ra các sản phẩm mới có sức cạnh tranh cao hơn… | | | | | | | | 1,5 |
| IV | 1 | **Phân biệt tỉ số giới tính và tỉ lệ giới tính. Tại sao ở các nước đang phát triển thường có số nam nhiều hơn nữ?** | | | | | | | | **2,0** |
| a. Phân biệt tỉ số giới tính và tỉ lệ giới tính  - Tỉ lệ giới tính  + Khái niệm: tương quan giữa giới nam (hoặc nữ) so với tổng số dân ở cùng thời điểm, đơn vị: %.  + Ý nghĩa: cho biết trong 100 người dân có bao nhiêu nam và bao nhiêu nữ… | | | | | | | | 0,75 |
| - Tỉ số giới tính  + Khái niệm: tương quan giữa giới nam so với giới nữ ở cùng thời điểm, đơn vị: nam/ 100 nữ.  + Ý nghĩa: cho biết trung bình cứ 100 nữ có bao nhiêu nam… | | | | | | | | 0,75 |
| b. Giải thích  - Ở độ tuổi dưới 15, nam giới chiếm tỉ lệ lớn hơn nữ giới; từ 65 tuổi trở lên, nữ giới chiếm tỉ lệ cao hơn hẳn với nam giới. Các nước đang phát triển có cơ cấu dân số trẻ, số người trong nhóm tuổi 0 – 14 nhiều, nhóm tuổi trên 65 ít, do đó nam nhiều hơn nữ.  - Trình độ phát triển kinh tế, chăm sóc sức khỏe giới, phong tục tập quán và tâm lí xa hội… tác động tới tỉ số giới tính (cụ thể) | | | | | | | | 0,5 |
| 2 | **Tại sao thời gian gần đây các nước đang phát triển có tốc độ đô thị hóa nhanh hơn các nước phát triển?** | | | | | | | | **1,0** |
| - Các nước đang phát triển có tốc độ đô thị hóa nhanh hơn do  + Nhiều nước đang đẩy mạnh quá trình CNH – HĐH nên nhu cầu lao động ở các đô thị lớn đã thu hút lao động từ nông thôn ra thành thị…  + Điều kiện sống, khả năng kiếm việc làm và tăng thu nhập ở thành thị cao hơn nông thôn nên dân cư từ nông thôn ra thành phố ngày càng đông… | | | | | | | | 0,5 |
| - Các nước phát triển có tốc độ đô thị hóa chậm hơn do  + Quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa diễn ra từ sớm, hiện nay khả năng kiếm việc làm và tăng thu nhập ở các đô thị không còn hấp dẫn như thời kì mới bắt đầu công nghiệp hóa…  + Điều kiện sống, mức sống không có sự chênh lệch nhiều giữa nông thôn và thành thị, ở nông thôn tình trạng ô nhiễm môi trường không đáng ngại như các đô thị lớn… | | | | | | | | 0,5 |
| V | 1 | **Chứng minh sự phù hợp giữa chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu sử dụng lao động theo ngành kinh tế ở các nước đang phát triển. Giải thích nguyên nhân.** | | | | | | | | **2,0** |
| a. Chứng minh  - Cơ cấu kinh tế và cơ cấu sử dụng lao động theo ngành đều chuyển dịch theo hướng tích cực  + Giảm tỉ trọng khu vực nông – lâm – thủy sản…  + Tăng tỉ trọng khu vực công nghiệp – xây dựng…  + Tăng tỉ trọng khu vực dịch vụ…  - Tốc độ chuyển dịch chậm, tỉ trọng khu vực nông – lâm – thủy sản vẫn còn cao… | | | | | | | | 1,5 |
| b. Giải thích  - Phù hợp với yêu cầu của quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa, tác động của cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật …  - Tốc độ công nghiệp hóa chậm… | | | | | | | | 0,5 |
| 2 | **Dựa vào bảng số liệu sau, nhận xét và giải thích về sản lượng thủy sản thế giới giai đoạn 2013 – 2019.** | | | | | | | | **3,0** |
| a. Nhận xét  - Tổng sản lượng, tổng sản lượng khai thác (biển, nội địa), tổng sản lượng nuôi trồng (biển, nội địa) đều tăng; riêng tổng sản lượng khai thác và khai thác biển giảm nhẹ thời kì 2017 – 2019.  - Sản lượng nuôi trồng thấp hơn, tăng nhanh hơn sản lượng khai thác, sản lượng nuôi trồng biển tăng nhanh nhất.  - Giảm tỉ trọng sản lượng khai thác, tăng tỉ trọng nuôi trồng.  - Tỉ trọng khai thác biển lớn hơn rất nhiều so với khai thác nội địa, tỉ trọng nuôi trồng biển thấp hơn nuôi trồng nội địa. | | | | | | | | 2,0 |
| b. Giải thích  - Có nhiều điều kiện thuận lợi về khai thác biển và nuôi trồng  - Sản lượng thủy sản khai thác tăng chậm và giảm năm 2019: nguồn lợi suy giảm do khai thác quá mức và ÔNMT, tàu thuyền ngư cụ phần lớn vẫn còn lạc hậu…  - Thủy sản nuôi trồng tăng: hiệu quả kinh tế cao, chủ động trong sản xuất… | | | | | | | | 1,0 |